

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 07/08/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P9+P1	7:25	18+3	0+0		1+4	0+0	
2		TD2	7:25	14	0		19	0	
3		P1+RP1	9:25	9+12	0+0		0+11	0+0	
4		TD2	13:30	12	0		19	0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 07/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
B.CARD: CAM-1	TO: P9 - P1	CREW: HUNG - MTHAO - VU	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01	VNHS FLIGHT: TM26/3542		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGÔ XUÂN NGHĨA	P9	35	1	13			62	BIỂN ĐÔNG	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐÌNH PHÚ	P9	89-90	2	17			67	BIỂN ĐÔNG	Vietnamese
3	ĐỖ VĂN NÉN	P9	91	1	10			63	BIỂN ĐÔNG	Vietnamese
4	TRẦN MINH ĐẠT	P9	96	1	10			83	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN VĂN NAM	P9	33	1	18			67	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN TIỀN TRỌNG	P9	28-29	2	17			82	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN HẢI HUNG	P9	30-31	2	15			58	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN TRUNG KIÊN	P9	32,49	2	12			66	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN TIẾN SỸ	P9	01-02	2	13			73	XAYLAP	Vietnamese
10	HÀ VĂN TRĂNG	P9	34-35	2	16			64	XAYLAP	Vietnamese
11	TRƯƠNG QUANG HOAN	P9	832-833	2	15			68	XAYLAP	Vietnamese
12	HOÀNG ĐÌNH LUẬN	P9	37	1	15	1	10	58	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN VIÊN	P9	92-93	2	18			70	XAYLAP	Vietnamese
14	ĐÀO HỮU TUYẾN	P9	99	1	10	1	10	70	XAYLAP	Vietnamese
15	ĐOÀN VĂN BĂNG	P9	36	1	19			68	XAYLAP	Vietnamese
16	PHẠM VĂN HÙNG	P9	97-98	2	20			97	XAYLAP	Vietnamese
17	LÊ BÁ TUẤN	P9	39-40	2	18			67	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN ĐỨC NGÂN	P9	94	1	15	1	17	60	XAYLAP	Vietnamese
19	VŨ TUẤN ANH	P1	43	1	15	1	15	80	XAYLAP	Vietnamese
20	HÀNH TRÍCH GIẢNG	P1	47	1	20			78	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN ANH	P1	45-46	2	19			62	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P9	18	1.243	28	271	3	37	1		
2	P1	3	220	4	54	1	15	4		
TOTAL		21	1.463	32	325	4	52	5		
WEIGHT KG			1.463		325		52			

GRAND TOAL: 1.840 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

LÊ QUÝ HUNG
MAI VĂN THAO





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 07/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 614	ETD: 07:25
B.CARD: XANH-1	TO: TD2	CREW: ATUẤN - MẠNH	ETA: 09:35
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM26/3556	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN XUÂN HẢI	TD2	37	1	3	5	90	84	KHOAN	Vietnamese
2	PHẠM VIỆT DŨNG	TD2	36	1	5			66	KHOAN	Vietnamese
3	HOÀNG VĂN BẮC	TD2						75	KHOAN	Vietnamese
4	LÝ ANH TUẤN	TD2	34	1	6			89	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN HUNG HÙNG	TD2	35	1	5			96	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	TD2	44-45	2	11			67	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN SỸ HIẾU	TD2	23	1	5			72	KHOAN	Vietnamese
8	MAI VĂN HOÀNG	TD2	24	1	5			56	KHOAN	Vietnamese
9	ĐƯỜNG NGỌC HIỀN	TD2	28	1	9			66	KH-THAC	Vietnamese
10	TRƯƠNG HỮU PHƯỚC	TD2	43	1	11			65	YTE	Vietnamese
11	BẠCH THIÊN HOÀI NHÂN	TD2	25-26	2	9			66	DMC-MI	Vietnamese
12	LÊ VĂN CHUÔNG	TD2	32-33	2	12			50	DMC-MI	Vietnamese
13	TRẦN NGÔ HỒNG SƠN	TD2	29-31	3	12			81	DMC-MI	Vietnamese
14	LÊ XUÂN HẢI	TD2	27	1	9			76	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	14	1.009	18	102	5	90	19		
TOTAL		14	1.009	18	102	5	90	19		
WEIGHT KG			1.009		102		90			

GRAND TOAL: 1.201 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

ĐOÀN ANH TUẤN
ĐẶNG NGỌC MẠNH





XNLD VIETSOVPETRO

Điện thoại: 0918532945

DANH SÁCH HÀNH KHÁCH

Đường bay:

TD2

Ngày: 7/Aug/2026	Nơi xuất phát: TD02	Số hiệu máy bay:	Giờ cất cánh: 7:30
Chuyến bay: 1	Nơi đến: VŨNG TÀU	Tổ bay:	Giờ hạ cánh:

HÀNH KHÁCH:

Stt	Tên hành khách	Chức vụ	Công ty	Quốc tịch	Số hộ chiếu/ CMND	Hành lý		Trọng lượng
						Số kiện	Kg	Kg
1	Громов С. А.	Chánh KS	XNKSSG	Vietnamese	20414	1	10	85
2	Lê Quang Cường	Đốc công	XNKSSG	Vietnamese	17056	1	4	75
3	Bùi Hữu Hồng	Kíp trưởng	XNKSSG	Vietnamese	7782	1	4	75
4	Nguyễn Thanh Tuyền	Kíp trưởng	XNKSSG	Vietnamese	18309	1	5	75
5	Bùi Trung Thọ	Phụ khoan	XNKSSG	Vietnamese	11325	0	0	68
6	Nguyễn Phùng Quế	Phụ khoan	XNKSSG	Vietnamese	PVD	1	5	71
7	Nguyễn Quang Hào	Phụ khoan	XNKSSG	Vietnamese	PVD	1	4	75
8	Ngô Quang Hưng	KS Cơ khí	XNKSSG	Vietnamese	20982	1	23	75
9	Trương Đức Mạnh	Thợ nguội	XNKSSG	Vietnamese	21382	1	8	72
10	Trần công Hiến	Chánh NL	XNKSSG	Vietnamese	17101	1	5	76
11	Đỗ Trọng Hải	Bsy	TTYT	Vietnamese	TTYT	1	11	75
12	Lò Xuân Phú	KS	Data wise	Vietnamese	75087016989	0	0	74
13	Nguyễn Văn Thành	KS	Data wise	Vietnamese	40097002902	0	0	75
14	Ricki Syafran	CN	Data wise	Indonesia	E 1130387	2	15	72
15	Budi Satria	CN	Data wise	Indonesia	E110390	1	12	70
16	Phạm Nhật Linh	Mud helper	DMC-MI	Vietnamese	66088004994	2	10	59
17	Lê Anh Sơn	Mud helper	DMC-MI	Vietnamese	95201002925	1	10	70
18	Lương Tuấn Anh	CN	XNKKT	Vietnamese	21946	2	10	79
	Số HK đi:				Trọng lượng:	18	136	1321

HÀNG HÓA:

Stt	Tên hàng hoá	Nơi đến	Số lượng	Trọng lượng
1	MÁU HÀNG + KIỆN	VT- TPHCM		
2				
3				
4				
5				

Ghi chú:

Người lập:
Nguyễn Viết Tùng

Đại diện giám:

Phi công trưởng:

CAPT.NOROV DENIS

Tổng cộng	0	0
Mô tả	Số lượng	Trọng lượng
Hành khách	18	1321
Hành lý	18	136
Hàng hóa	0	0
Tổng cộng	36	1457



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 07/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
B.CARD: XANH - 2	TO: P1 - RP1	CREW: HUNG - MTHAO - VU	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 3	VNHS FLIGHT: TM26/3543		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÊ VĂN THU	P1	53-54	2	20			76	XAYLAP	Vietnamese
2	LÊ ĐÌNH QUẢNG	P1	59	1	16			57	XAYLAP	Vietnamese
3	ĐÌNH VĂN TẾ	P1	51	1	14			75	XAYLAP	Vietnamese
4	HÀ TUẤN DŨNG	P1	48-49	2	20			70	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN TRỌNG ĐẠI	P1	60-61	2	18			65	XAYLAP	Vietnamese
6	PHẠM VĂN TỬ	P1	55-56	2	18			67	XAYLAP	Vietnamese
7	PHAN VĂN THOẠI	P1	50	1	17			75	XAYLAP	Vietnamese
8	VŨ QUANG DƯƠNG	P1	52	1	15	1	13	71	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ VĂN ĐƯỢC	P1	57-58	2	18			57	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐÌNH PHÓNG	RP1	53-54	2	16			69	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ QUỐC HƯƠNG	RP1	46	1	14			72	XAYLAP	Vietnamese
12	NGÔ HỒNG THÀNH	RP1	35	1	18			71	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ NHƯ HUÂN	RP1	44-45	2	17			78	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN QUỐC TUẤN	RP1	51-52	2	19			65	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN VIỆT HÙNG	RP1	36-37	2	14			64	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN NGỌC GIÁP	RP1	55-56	2	20			60	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN SƠN	RP1	38-39	2	20			86	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN TRẦN	RP1	40-41	2	20			64	XAYLAP	Vietnamese
19	KIM VĂN TÌNH	RP1	49-50	2	20			61	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN CÔNG QUỲNH	RP1	47-48	2	20			69	XAYLAP	Vietnamese
21	HỒ NGUYỄN HẬU	RP1	42-43	2	20			63	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P1	9	613	14	156	1	13	0		
2	RP1	12	822	22	218	0	0	11		
TOTAL		21	1.435	36	374	1	13	11		
WEIGHT KG			1.435		374		13			

GRAND TOAL: 1.822 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ KIỀU THU

CREW

LÊ QUÝ HUNG
MAI VĂN THAO



Chốt 2 thùng hàng lên ghi công



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 07/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 620	ETD: 13:15
B.CARD: XANH-3	TO: TD2	CREW: TRƯỜNG - VƯƠNG	ETA: 16:30
VSP FLIGHT: 4	VNHS FLIGHT: TM26/3555		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRẦN MAI NGUYỄN PHƯỚC	TD2	98,40	2	16			96	KHOAN	Vietnamese
2	ĐOÀN TUẤN DƯƠNG	TD2	47	1	9			68	CODIEN	Vietnamese
3	TRẦN THÁI AN	TD2	53	1	13			70	DVL	Vietnamese
4	VŨ NGỌC TIỀN	TD2	54	1	10			73	DVL	Vietnamese
5	TRẦN QUỐC HƯƠNG	TD2	58,46	2	16			92	DVL	Vietnamese
6	LÊ ĐỨC CUỒNG (1967)	TD2	52	1	7			55	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN CAO	TD2	99	1	19	1	11	63	CODIEN	Vietnamese
8	HÀ QUANG HUY	TD2	55-57	3	16			68	CODIEN	Vietnamese
9	HÀ MẠNH HOÀNG	TD2	51	1	8			75	CODIEN	Vietnamese
10	PHÙNG BÁ ĐỆ	TD2	48-50	3	18			72	CODIEN	Vietnamese
11	PHẠM QUỐC KHÁNH	TD2	59	1	13	2	15	89	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	11	821	17	145	3	26	19		
TOTAL		11	821	17	145	3	26	19		
WEIGHT KG			821		145		26			

GRAND TOAL: 992 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

DƯƠNG VĂN TRƯỜNG
TRẦN HÙNG VƯƠNG





XNLD VIETSOVPETRO

Điện thoại: 0918532945

DANH SÁCH HÀNH KHÁCH

Đường bay:

TD2

Ngày: 7/Aug/2026	Nơi xuất phát: TD02	Số hiệu máy bay:	Giờ cất cánh: 13:30
Chuyến bay: 2	Nơi đến: VUNG TAU	Tổ bay:	Giờ hạ cánh:

HÀNH KHÁCH:

Stt	Tên hành khách	Chức vụ	Công ty	Quốc tịch	Số hộ chiếu/ CMND	Hành lý		Trọng lượng
						Số kiện	Kg	
1	Trần Văn Huy	Đốc công	XNKT	Vietnamese	17904	1	11	71
2	Vũ Trung Kiên	Đốc công	XNKT	Vietnamese	16236	1	12	69
3	Nguyễn Thành Luân	KS	XNKT	Vietnamese	900303	1	10	54
4	Phạm Lê Tuấn Anh	Thợ vận hành	XNKT	Vietnamese	900329	2	9	68
5	Đặng Văn Nghĩa	DMC	DMC-MI	Vietnamese	36096018581	2	15	77
6	Đỗ Văn Bách	Operator	DMC-MI	Vietnamese	36084023959	1	15	60
7	Trerd Jitkamnerd	Thợ vận hành	DMC-MI	Thailan	AD2526470	1	18	72
8	Winai Phromthep	Thợ vận hành	DMC-MI	Thailan	AC2248550	1	17	71
9	Trần Hà Thanh Tâm	DMC	DMC-MI	Vietnamese	77098003379	1	5	65
10	Naing Lin Aung	Operator	DMC-MI	Myanmar	MF853653	2	13	82
11	Lu Van Duy	Operator	DMC-MI	Vietnamese	380083038795	1	14	48
12	Le Van Pho	Fitter	DMC-MI	Vietnamese	51089007574	1	11	58
13	Nguyễn Vĩnh Kha	KS	ĐVL	Vietnamese	17360	1	17	70
14	Dương Minh Việt	DVL(Khí)	ĐVL	Vietnamese	17908	1	7	61
15	Trần Bá Đức	DVL(Khí)	ĐVL	Vietnamese	21720	1	11	85
16	Vương Kiến Quốc	CV	ĐVL	Vietnamese	16654	1	9	75
17	Nguyễn văn Hợi	KS	ĐVL	Vietnamese	21770	1	14	59
18								
19								
20								
21								
22								
Số HK đi:					Trọng lượng:	20	208	1145

HÀNG HÓA:

Stt	Tên hàng hoá	Nơi đến	Số lượng	Trọng lượng
1	02 KIẾN HÀNG	VT- TPHCM	2	35
2				
3				
4				
5				

Ghi chú:

Người lập:
Nguyễn Việt Tùng

Đại diện gián:

Phi công trưởng:

CAPT. NOROV DENIS

Tổng cộng 2 35

Mô tả	Số lượng	Trọng lượng
Hành khách	17	1145
Hành lý	20	208
Hàng hóa	2	35
Tổng cộng	39	1388

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 08/08/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP3+RC5+RC10	7:25	20+1+0	0+0+0		21+0+1	0+0+0	chuyen 1 rp3-rc5
2		P8+PPD+BK3	7:25	2+20+0	0+0+0		0+17+5	0+0+0	
3		VSP02+P4	9:25	6+16	0+0		6+16	0+0	
4		SAVR+IDUN+P4	9:25	9+0+9	0+0+0		2+3+16	0+0+0	
5		TD3+PPD	11:25	13+9	0+0		0+19	0+0	

TTDBSX



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 08/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: RP3 - RC5 - RC10	CREW: LINH - SƠN - VŨ	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01	VNHS FLIGHT: TM26/3594		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	BÙI NGỌC QUANG	RP3	93	1	6			64	KHOAN	Vietnamese
2	ZHDANOV V.N	RP3	94	1	18			129	KHOAN	Russian
3	AFIQ ASYRAF BIN MAZLI	RP3	10	1	8	2	30	87	KHI	Malaysian
4	LÊ NHƯ NGUYỄN	RP3	07-08	2	6			69	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN SANG	RP3	299	1	5			63	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN CỪ	RP3	92	1	4			57	KHI	Vietnamese
7	LÀNH TRUNG ĐÔNG	RP3	05	1	4			69	KHI	Vietnamese
8	LÂM TIỀN PHI	RP3	96	1	5			82	KHI	Vietnamese
9	ĐẶNG HUY KHÁNH	RP3	09	1	7	6	62	82	KHI	Vietnamese
10	HỒ VĂN LƯƠNG	RP3	04	1	3			64	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH HÀ	RP3	97	1	5			88	KHI	Vietnamese
12	HÀ THẾ BẢO	RP3						81	KHI	Vietnamese
13	PANKRATOV R.E	RP3	01-02	2	19			95	KHI	Russian
14	NGUYỄN TRUNG HÒA	RP3	11	1	3			80	KHI	Vietnamese
15	PHẠM VĂN LẬP	RP3						60	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN VIỆT KỶ	RP3	03	1	5			71	KHI	Vietnamese
17	NGÔ NGỌC HÂN	RP3	95	1	5			62	KHI	Vietnamese
18	HỒ THANH QUANG	RP3	06	1	10			70	KHI	Vietnamese
19	LÝ VÕ THANH TÂN	RP3	98	1	8			75	KHI	Vietnamese
20	ĐỖ HOÀNG PHƯƠNG NAM	RP3	99,600	2	8			87	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐỨC ANH	RC5	55-56	2	16			77	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP3	20	1.535	21	129	8	92	21		
2	RC5	1	77	2	16	0	0	0		
3	RC10	0	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		21	1.612	23	145	8	92	22		
WEIGHT KG			1.612		145		92			

GRAND TOAL: 1.849 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

NGÔ VĂN LINH
PHẠM THÁI SƠN





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 08/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: P8 - PPD - BK3	CREW: DƯƠNG - N.CƯỜNG - TOAN	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM26/3597	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐỖ THANH HẢI	P8	48	1	10			69	DVL	Vietnamese
2	BÙI BẠCH DƯƠNG	P8	49	1	15	4	40	74	DVL	Vietnamese
3	ĐINH THẾ QUÂN	PPD	79	1	5	1	10	69	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐỨC LÂM	PPD	10	1	7			71	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN NĂM	PPD	11	1	7			63	KHI	Vietnamese
6	BÙI VĂN CHINH	PPD	05	1	6			73	KHI	Vietnamese
7	NGÔ SỸ THANH	PPD	80	1	7			85	KHI	Vietnamese
8	ĐỖ NGỌC TÂN	PPD	13-14	2	15			69	KHI	Russian
9	NGUYỄN THẾ HÙNG	PPD	06-07	2	8			81	T-TIN	Vietnamese
10	PHAN CÔNG THÀNH	PPD	04	1	5	2	12	75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN TÁ	PPD	17	1	3			68	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN HUY TRƯỜNG	PPD	82	1	3			70	KHI	Vietnamese
13	KOLESNIK A.I	PPD	19,400	2	14			105	KHI	Russian
14	DOÃN THÀNH CÔNG	PPD	78	1	7			75	KHI	Vietnamese
15	LÊ MINH PHỤNG	PPD	81	1	7			79	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN TRƯƠNG NHẬT MINH	PPD	08-09	2	12			79	KHI	Vietnamese
17	TRỊNH CÔNG BÌNH	PPD	12	1	5			64	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐỨC HÒA	PPD	77	1	6			74	KHI	Vietnamese
19	LÊ THÀNH TRUNG	PPD	15-16	2	13			65	KHI	Vietnamese
20	TRẦN SƠN HẢI	PPD	18	1	8			72	KHI	Vietnamese
21	MAI XUÂN TRỤ	PPD	83	1	7			71	KHI	Vietnamese
22	LÊ QUANG NINH	PPD						67	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P8	2	143	2	25	4	40	0		
2	PPD	20	1.475	24	145	3	22	17		
3	BK3	0	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		22	1.618	26	170	7	62	22		
WEIGHT KG			1.618		170		62			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN MAI PHI

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

PHAN NHƯ CƯỜNG





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 08/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: VSP02 - P4	CREW: LINH - SƠN - VŨ	ETA: 11:20
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM26/3595	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN TÙNG DƯƠNG	VSP02	07	1	8	4	70	58	ANTOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN THÀNH LÊ	VSP02	47	1	4			68	YTE	Vietnamese
3	VÕ XUÂN TOÀN	VSP02	65,67	2	11			84	PSV	Vietnamese
4	LÊ ĐĂNG KHOA	VSP02	66	1	4			70	PSV	Vietnamese
5	HOÀNG VĂN TRUNG	VSP02	04	1	4			86	PSV	Vietnamese
6	TRẦN CHÍNH CƯỜNG	VSP02	46	1	8			70	PSV	Vietnamese
7	ĐINH NGỌC QUÝ	P4	90	1	6			80	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐĂNG TUẤN	P4	92	1	3			69	KHI	Vietnamese
9	TẠ XUÂN HIẾU	P4	91	1	6			65	KHI	Vietnamese
10	PHẠM THẾ TRƯỜNG	P4	94	1	8			77	KHI	Vietnamese
11	PHẠM BÌNH NAM	P4	93	1	5			62	KHI	Vietnamese
12	PHẠM ĐỨC HIỆP	P4	900	1	6			81	KHI	Vietnamese
13	HÀ QUANG TRUNG	P4	88	1	11	1	11	53	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG TUẤN ANH	P4	84	1	9	5	67	88	CODIEN	Vietnamese
15	LÊ TRỌNG DŨNG	P4	85-86	2	17			65	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN QUÂN	P4	89	1	11			70	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN HOÀNG	P4	97	1	10			79	CODIEN	Vietnamese
18	CAO ĐĂNG LỢI	P4	95-96	2	10			52	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐỨC THIÊN	P4	99	1	12			52	CODIEN	Vietnamese
20	CHU TUẤN ANH	P4	98	1	9			69	CODIEN	Vietnamese
21	LÊ TRUNG LÂM	P4						71	KHI	Vietnamese
22	PHAN HỒNG TÂM	P4	87	1	4			64	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	VSP02	6	436	7	39	4	70	6		
2	P4	16	1.097	17	127	6	78	16		
TOTAL		22	1.533	24	166	10	148	22		
WEIGHT KG			1.533		166		148			

GRAND TOAL: 1.847 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THÚC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THỦY ANH

CREW

NGÔ VĂN LINH

PHẠM THÁI SƠN

☐
☒



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 08/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: SAVR - IDUN - P4	CREW: DƯƠNG - N.CƯỜNG - TOAN	ETA: 11:48
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM26/3598	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRẦN XUÂN HUNG	SAVR	76	1	10			75	DATA CAN	Vietnamese
2	PHẠM HUY THƯƠNG	SAVR	75	1	11			85	DATA CAN	Vietnamese
3	TRẦN TRUNG HẬU	SAVR	74	1	8			61	DATA CAN	Vietnamese
4	ĐÀO VĂN DŨNG	SAVR	73	1	11			79	DATA CAN	Vietnamese
5	TRẦN QUỐC ĐẠI	SAVR	83-84	2	17			84	KH-THAC	Vietnamese
6	TẠ HỒNG QUÂN	SAVR	79	1	14			69	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM LÊ TUẤN ANH	SAVR	77-78	2	10			69	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐẠI KHOA	SAVR	80	1	16			68	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ VĂN TIẾP	SAVR	81-82	2	16			80	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN HOÀNG TRƯỜNG	P4	85	1	6	4	65	76	KHI	Vietnamese
11	LÊ XUÂN HIẾN	P4						62	KHI	Vietnamese
12	LÊ HỒNG PHONG	P4						82	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN TÀI	P4	92	1	5			66	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN VIỆT NGỌC	P4	84	1	6			63	KHI	Vietnamese
15	ĐOÀN VĂN TRỰC	P4	86	1	6			66	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN TIẾN HỒNG	P4	83	1	5			53	PSV	Vietnamese
17	TRẦN VĂN NAM	P4	88	1	3			79	PSV	Vietnamese
18	PHẠM XUÂN HUY	P4	82	1	7			69	PSV	Vietnamese
19	VƯƠNG ĐỨC TRỌNG	P4	87	1	9			71	CO DIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	9	670	12	113	0	0	2		
2	IDUN	0	0	0	0	0	0	3		
3	P4	10	687	8	47	4	65	16		
TOTAL		19	1.357	20	160	4	65	21		
WEIGHT KG			1.357		160		65			

GRAND TOAL: 1.582 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN MAI PHI

CREW

BUI HOÀNG DƯƠNG

PHAN NHƯ CƯỜNG



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 08/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO: TD3 - PPD	CREW: LINH - HTRUNG - THÀNH	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM26/3596	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGÔ VĂN TUÂN	TD3	65	1	10			85	XAYLAP	Vietnamese
2	PHẠM NGỌC HÒA	TD3	60-61	2	20			63	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN QUỐC CƯỜNG	TD3	54-55	2	17			73	XAYLAP	Vietnamese
4	PHẠM VĂN SẮC	TD3	58-59	2	17			68	XAYLAP	Vietnamese
5	HỒ SỸ TRUNG	TD3	82-83	2	15			67	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ HUY DUÂN	TD3	56-57	2	19			61	XAYLAP	Vietnamese
7	PHAN KHẮC BẰNG	TD3	52-53	2	19			75	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN VĂN HẠNH	TD3	62-63	2	17			65	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN ĐỨC CHÍN	TD3	84-85	2	20			68	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN VĂN TUẤN	TD3	50-51	2	15			67	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN HỮU CÔNG DANH	TD3	64	1	19			64	XAYLAP	Vietnamese
12	ĐẶNG TRỌNG DƯƠNG	TD3	48	1	12			66	DUY LINH	Vietnamese
13	MAHAMACH SOLES	TD3	49	1	11			74	DUY LINH	Vietnamese
14	CHU TẤT THẮNG	PPD	37	1	10	2	35	71	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN MINH	PPD	34-36	3	19			80	KHI	Vietnamese
16	TRẦN MẠNH CƯỜNG	PPD	28	1	9			76	XAYLAP	Vietnamese
17	HOÀNG NGỌC HOÀI	PPD	32	1	15	1	12	64	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN THẾ ANH	PPD	27	1	17			82	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐÌNH LÂM	PPD	25	1	9			81	PSV	Vietnamese
20	VŨ VĂN HÙNG	PPD	26	1	4			60	PSV	Vietnamese
21	NGÔ VĂN TRỌNG TUÂN	PPD	29	1	5			51	PSV	Vietnamese
22	TRỊNH QUỐC THÀNH	PPD	30-31	2	11			106	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	13	896	22	211	0	0	0		
2	PPD	9	671	12	99	3	47	19		
TOTAL		22	1.567	34	310	3	47	19		
WEIGHT KG			1.567		310		47			

GRAND TOAL: 1.924 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

NGÔ VĂN LINH
NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG

